

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2020

V/v: Ly hôn giữa chị Hoàng Thị Thu H và anh
Nguyễn Văn T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V , TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa;
2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXX - ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐXX - ST ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1996

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: Thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(*Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2019, trong quá trình tố tụng và tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03 tháng 6 năm 2020 nguyên đơn là chị Hoàng Thị Thu H trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 30/12/2015. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng không lớn. Vì con còn nhỏ nên hai bên đã cố gắng bỏ qua mọi lỗi lầm để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, đến tháng 11/2018, mâu thuẫn giữa chị và anh T ngày càng trở nên căng thẳng. Nguyên nhân là do hai bên không tin tưởng lẫn nhau, luôn nghi ngờ lòng chung thủy của nhau. Anh T còn hay uống rượu say dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Từ tháng 5 năm 2019 đến nay, chị và anh T sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

1.2 Về quan hệ con chung: Chị và anh Tuấn có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 31/7/2017. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu T đang ở cùng chị và gia đình chị. Chị có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian để nuôi dưỡng cháu Thu.

1.3 Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản gì chung; không vay nợ chung của cá nhân hay cơ quan, tổ chức xã hội nào khác và không cho ai vay nợ chung tài sản gì. Ruộng cấy: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Kể từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến khi Tòa án mở phiên tòa, anh T không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, anh Tuấn cũng vắng mặt không lý do. Vì vậy, anh Tuấn không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

3. Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày ngày 21/4/2020, bà Đỗ Thị B, sinh năm 1963, trú tại thôn H, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình, là mẹ đẻ anh T trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa chị H và anh T đúng như chị H đã trình bày. Trong thời gian chung sống, giữa anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng bản thân chị H không muốn hòa hợp với gia đình bà. Tuy đã kết hôn nhưng chị H không thích việc phải chung sống với gia đình chồng. Đến tháng 11/2018 thì anh chị chuyển lên Tuyên Quang sinh sống. Được một thời gian, giữa anh T, chị H xảy ra mâu thuẫn. Anh T là người thẳng tính, nóng nảy nhưng chị H không thông cảm, bỏ qua cho anh T. Chị H hiện vẫn đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở Tuyên Quang, còn anh T đã đi vào miền Nam làm ăn khoảng 03 tháng nay. Anh T thường xuyên liên lạc về gia đình và cũng biết việc chị H xin ly hôn. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn, bà không mong muốn anh chị ly tán vì cháu bà còn nhỏ, nhưng vì chị H không thay đổi quyết định nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Nếu anh chị ly hôn đề nghị tòa án giao cháu Anh T cho chị H nuôi dưỡng, hiện cháu đang ở với chị H tại nhà bố mẹ đẻ chị H. Chị H có đủ điều kiện để nuôi cháu T. Còn nếu chị H không có nguyện vọng nuôi cháu T thì đề nghị Tòa án giao cháu cho anh T nuôi dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Bà B cũng trình bày như lời trình bày của chị H.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 21/4/2020, bà Đỗ Thị T, sinh năm 1978, trú tại Thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (là mẹ đẻ chị H) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và quá trình kết hôn, nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn giữa chị H và anh T đúng như chị H trình bày. Nay chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H vì hai anh chị không có khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Bà đề nghị Tòa án giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và gia đình bà cũng hỗ trợ cùng chị H chăm sóc tốt cho cháu T.

Về quan hệ tài sản: Bà T cũng trình bày như lời trình bày của chị H.

5. Về việc thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T, bà B trình bày: Anh T hiện đi làm ăn xa nhà nên không về Tòa án làm việc được. Các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho anh T, bà đã nhận đầy đủ và thông báo ngay cho anh T sau mỗi lần nhận được văn bản của Tòa án. Anh T cũng đã biết việc Tòa

án nhân dân huyện Vũ Thư thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa anh và chị H nhưng vì công việc bận mải, anh T không về giải quyết được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

6. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, đại diện UBND xã cung cấp như sau: Về quá trình kết hôn giữa chị H và anh T đúng như chị H trình bày. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh Tuấn ở thôn H, xã X, huyện V. Trước đây, anh T đã từng kết hôn nhưng sau đó cũng làm thủ tục ly hôn, lần kết hôn với chị H là lần thứ hai. Thời điểm anh T chị H chung sống tại địa phương, vợ chồng anh chị có mở được một xưởng may quần áo, tuy nhiên được một thời gian thì việc kinh doanh không thuận lợi, chị H là người địa phương khác nên khi về gia đình anh T không thích nghi được với cuộc sống của gia đình chồng. Từ khoảng cuối năm 2018, anh chị chuyên đi làm ăn ở nơi khác, anh T thỉnh thoảng vẫn đi về gia đình. Nay chị H xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Đề nghị tòa án xem xét giao con chung cho chị Huyền nuôi dưỡng vì cháu chưa đủ 03 tuổi.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung và cũng không vay nợ chung của tổ chức xã hội nào ở địa phương.

Ngoài ra địa phương còn cung cấp thêm: Anh T hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, thỉnh thoảng anh vẫn đi về địa phương và không đăng ký tạm vắng tại địa phương.

*** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

+ Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Hoàng Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 31/7/2017. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Quan hệ tài sản: Do chưa có lời trình bày của anh T, chị H không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chị H và anh T có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

+ Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị Thu H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình. Quá trình giải quyết vụ án, bà Đỗ Thị B (là mẹ đẻ anh T) cung cấp địa chỉ hiện nay của anh T ở: số 168A, đường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Tòa án nhân dân huyện V đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ thực hiện việc ủy thác để lấy lời khai của anh Nguyễn Văn T. Do sắp hết thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng Tòa án nhân dân huyện V vẫn chưa nhận được kết quả ủy thác nên ngày 08 tháng 4 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử. Đến ngày 17/4/2020, Tòa án nhận được kết quả ủy thác của Tòa án nhân dân quận C, kèm theo là kết quả trả lời của công an phường L, Quận C xác định anh T không đăng ký tạm trú và cũng không sinh sống tại địa chỉ như bà B đã cung cấp. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Nguyên đơn, chị Hoàng Thị Thu H có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt Nguyên đơn. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng

mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T đăng ký tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 30/12/2015 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị không tin tưởng lẫn nhau, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau dẫn đến hai bên mâu thuẫn. Tuy nhiên theo chị H, anh chị đã cố gắng khắc phục để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ tháng 5 năm 2019 đến nay, chị H và anh T sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau từ tháng 5/2019.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh T đã được triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, cũng không thể hiện quan điểm của anh T đối với yêu cầu của chị H. Điều này chứng tỏ anh T không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Qua xác minh tại UBND xã X và lấy lời khai của đại diện gia đình anh T cũng thể hiện: Giữa chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không tìm được biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh T.

[2.2] Quan hệ con chung: Con chung của chị Hoàng Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T chưa đủ 03 tuổi, hiện đang ở cùng với chị H và gia đình chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi con. Mặt khác, Chị H có công việc và có thu nhập. Anh T không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung cần căn cứ vào điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 31/7/2017 là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị H, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

[2.3] Quan hệ tài sản: Do chưa có lời trình bày của anh T, chị H không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chị H và anh T có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Hoàng Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 31/7/2017. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị H, anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

3. Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tại biên lai số 0003663 ngày 10/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Hoàng Thị Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ tuyên án 11/6/2020.

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;
(GCNKH số 46/2015, quyền số 01 ngày 30/12/2015);
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)